Đặc tả use case trong quản lý khách hàng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Use case name:** | Thêm khách hàng | | **ID:** | UC-1 | **Ưu tiên:** | Cao |
| **Actor** | Quản lý (MNG), Nhân viên (STF) | | | | | |
| **Mô tả:** | Người quản lý hoặc nhân viên muốn thêm mới một khách hàng để lưu trữ và quản lý khách hàng một cách hiệu quả | | | | | |
| **Trigger:** | Người dùng muốn thêm khách hàng mới | | | | | |
| **Precondition:** | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống Danh sách khách hàng được thêm trước đó chưa tồn tại trong cơ sở dữ liệu | | | | | |
| **Quy trình thông thường (Normal Flow)** | | | | | | |
| **Actor** | | **Hệ thống** | | | | |
| 1. Người dùng chọn chức năng quản lý khách hàng | | 2. Hệ thống hiển thị danh mục các chức năng | | | | |
| 3. Người dùng chọn mục thêm khách hàng | | 4. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin chi tiết những khách hàng hiện có | | | | |
| 5. Nhập vào thông tin chi tiết khách hàng mới | |  | | | | |
| 6. Nhấn nút “Lưu” để xác nhận thêm mới | |  | | | | |
|  | | 7. Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin đã nhập | | | | |
|  | | 8. Cập nhật cơ sở dữ liệu với thông tin mới nếu hợp lệ | | | | |
|  | | 9. Thông báo cho quản trị viên về kết quả cập nhật (thành công hoặc lỗi) | | | | |
| **Quy trình thay thế (Alternative Flow)** | | | | | | |
| **Actor** | | **Hệ thống** | | | | |
|  | | 7a. Nếu thông tin khách hàng không hợp lệ, hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại | | | | |
| **Postconditions:** | - Danh sách khách hàng đã được thêm vào thành công và hiển thị chính xác trong hệ thống  - Cơ sở dữ liệu được cập nhật với thông tin của khách hàng mới được tạo | | | | | |
| **Exceptions:** | | | | | | |
| E1: Nếu người dùng không có quyền xem danh sách hóa đơn, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và từ chối truy cập | | | | | | |
| E2: Nếu kết nối cơ sở dữ liệu bị gián đoạn, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng thử lại sau | | | | | | |
| E3: Nếu thông tin nhập không hợp lệ (ví dụ: tên khách hàng bị trùng tên), hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin | | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Use case name:** | Cập nhật khách hàng | | **ID:** | UC-2 | **Ưu tiên:** | Cao |
| **Actor** | Quản lý (MNG), Nhân viên (STF) | | | | | |
| **Mô tả:** | Người quản lý hoặc nhân viên muốn cập nhật thông tin của một khách hàng để quản lý khách hàng một cách hiệu quả | | | | | |
| **Trigger:** | Người dùng muốn cập nhật thông tin khách hàng | | | | | |
| **Precondition:** | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống Danh sách khách hàng được chọn trước đó đã tồn tại trong cơ sở dữ liệu | | | | | |
| **Quy trình thông thường (Normal Flow)** | | | | | | |
| **Actor** | | **Hệ thống** | | | | |
| 1. Người dùng chọn chức năng quản lý khách hàng | | 2. Hệ thống hiển thị danh mục các chức năng | | | | |
| 3. Người dùng chọn mục cập nhật thông tin khách hàng | | 4. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin chi tiết những khách hàng hiện có | | | | |
| 5. Nhập vào thông tin chi tiết khách hàng được chọn | |  | | | | |
| 6. Nhấn nút “Lưu” để xác nhận thay đổi | |  | | | | |
|  | | 7. Kiểm tra tính hợp lệ của thông tin đã nhập | | | | |
|  | | 8. Cập nhật cơ sở dữ liệu với thông tin mới nếu hợp lệ | | | | |
|  | | 9. Thông báo cho quản trị viên về kết quả cập nhật (thành công hoặc lỗi) | | | | |
| **Quy trình thay thế (Alternative Flow)** | | | | | | |
| **Actor** | | **Hệ thống** | | | | |
|  | | 7a. Nếu thông tin khách hàng không hợp lệ, hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại | | | | |
| **Postconditions:** | - Danh sách khách hàng đã được cập nhật thành công và hiển thị chính xác trong hệ thống  - Cơ sở dữ liệu được cập nhật với thông tin của khách hàng được thay đổi | | | | | |
| **Exceptions:** | | | | | | |
| E1: Nếu Người dùng không có quyền xem danh sách hóa đơn, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và từ chối truy cập | | | | | | |
| E2: Nếu kết nối cơ sở dữ liệu bị gián đoạn, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng viên thử lại sau | | | | | | |
| E3: Nếu thông tin nhập không hợp lệ (ví dụ: tên khách hàng bị trùng tên), hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại thông tin | | | | | | |